TÒA ÁN NHÂN DÂN ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **17**/2026/LĐ-ST
Ngày: 01-7-2026
"Về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phạm Hùng

Bà Lê Kim Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 *tham gia phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Trúc Bin - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 09/2026/TLST-LĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về "*Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1003/2026/QĐXXST-LĐ ngày 10/06/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: **Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1)**; trụ sở: Lô A khu công nghiệp H, phường L thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Ikeda K, chức vụ: Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Phan Thùy A, sinh năm: 1968; bà Phạm Thị Thúy A1, sinh năm: 1988; Địa chỉ: P tầng B nhà A T, phường G, Hà Nội. có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Dương Thị N,** sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn Q, phường L, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ **Bảo hiểm xã hội thành phố Đ**; Trụ sở: Số D đường X, phường H, quận H (nay là phường H), Tp .. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:*

Bà H làm việc tại Công ty Cổ phần K1 vào tháng 02/2006 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đến năm 2010 với mã số BHXH: 0406005510

Tháng 07/2009, bà Dương Thị N là người quen cũ của bà H, sinh năm: 1993 đã mượn chứng minh nhân dân số 186504805 của bà H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ và tham gia đóng BHXH bắt buộc, số BHXH: 4809021622 mang tên Phan Thị H từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010. Do Công ty Cổ phần K1 (nơi bà H làm việc) và Công ty TNHH Đ (nơi bà N làm việc với tên BHXH của bà H1) đều cùng tham gia đóng BHXH bắt buộc nên bà H hiện đang có đồng thời 02 mã số BHXH là 0406005510 và 4809021622 từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010. Bà H yêu cầu giải quyết trợ cấp Bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng nhưng không được phê duyệt. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị H (do bà Dương Thị Ngọc M chứng minh nhân dân của bà Phan Thị H giao kết hợp đồng lao động) với Công ty TNHH Đ (nay là Công ty T) từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Bà Phan Thị H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

** Bị đơn là Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1) trình bày ý kiến:*

Công ty xác nhận Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1) có giao kết hợp đồng lao động với người lao động mang tên Phan Thị H từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010. Công ty đã chấm dứt hợp đồng với người lao động mang tên Phan Thị H từ tháng 6/2010, cách đây 16 năm, vì vậy, Công ty hiện không còn lưu giữ Hợp đồng lao động, hay bất cứ tài liệu, văn bản nào thể hiện mối quan hệ lao động giữa Công ty TNHH Đ và người lao động mang tên Phan Thị H.

Sau khi được tiếp cận hồ sơ, Công ty mới được biết rằng cá nhân đã ký Hợp đồng lao động và làm việc trực tiếp tại Công ty TNHH Đ từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 6 năm 2010 thực chất là bà Dương Thị N, mà không phải là bà Phan Thị H. Theo lời khai của bà Phan Thị H và bà Dương Thị N trong hồ sơ vụ án, Công ty được biết do tại thời điểm giao kết hợp đồng với Công ty TNHH Đ, bà Dương Thị N chưa đủ 18 tuổi, nên bà Dương Thị N đã mượn chứng minh nhân dân của bà H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ. Như vậy, các thông tin mà bà Dương Thị N đã cung cấp khi giao kết hợp đồng với Công ty là không trung thực và chính xác.

Về phía Công ty, tại thời điểm ký kết hợp đồng lao động, do tin tưởng các thông tin được cung cấp trong hồ sơ tuyển dụng dưới tên bà Phan Thị H là trung thực và chính xác vì vậy, Công ty đã giao kết hợp đồng dựa trên các thông tin này trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định của pháp luật. Ngoài ra, theo nội dung Công văn số 1418/BHXH/QLT-PTNTG ngày 22/5/2026 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Đ đã chứng minh rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động trên thực tế với bà Dương Thị N (mang tên Phan Thị H), Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động, nghĩa là Công ty đã thực hiện đầy đủ các

quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng.

Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu TAND Khu vực 4 tuyên bố hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1) là vô hiệu, Công ty không phản đối yêu cầu này và sẽ tuân thủ bản án giải quyết do TAND Khu vực 4 ban hành. Công ty đề nghị TAND Khu vực 4 xét xử vắng mặt bị đơn và các đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/7/2026 và (các) phiên tòa sơ thẩm được tổ chức vào thời gian khác (nếu có).

** Tại bản tự khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N trình bày:*

Vào tháng 06/2009, do chưa đủ tuổi nên bà Dương Thị N đã mượn chứng minh nhân dân số 186504805 của bà Phan Thị H để đi xin việc tại Công ty TNHH Đ (nhân viên bán hàng). Từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010 bà N có tham gia đóng BHXH bắt buộc và ký hợp đồng lao động với công ty nêu trên bằng giấy tờ đứng tên bà Phan Thị H. Hiện nay bà N xác định không còn giữ các giấy tờ trên. Nay bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty TNHH Đ, bà N hoàn toàn thống nhất ý kiến và xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

** Tại Công văn số 1418/BHXH-QLT-PTNTG ngày 22/05/2026, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ trình bày:*

Bà Phan Thị H, sinh ngày 20/10/1986, Căn cước công dân số: 040186014789, Chứng minh nhân dân số: 186504805 có các mã số BHXH như sau:

- Mã số BHXH 4809021622 có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010 tại Công ty TNHH Đ, chưa hưởng BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp.

- Mã số BHXH 0406005510 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 02/2006 đến tháng 05/2010 tại Công ty Cổ phần K1; từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2012 tại Cơ sở Mầm non M2; từ tháng 8/2013 đến tháng 12/2022 tại Công ty TNHH K2; từ tháng 01/2023 đến tháng 5/2024 tại Công ty TNHH K2. Chưa hưởng BHXH một lần, đã hưởng trợ cấp thất nghiệp, còn bảo lưu thời gian tham gia BHTN chưa hưởng từ 02/2024 đến 5/2024 tại Công ty TNHH K2.

**** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4:***

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H: căn cứ Điều 127 Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 16, Điều 30 Bộ luật lao động 1994; Điều 51, Khoản 2, khoản 7 Điều 188, Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019 tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Dương Thị N và Công ty

TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1) từ tháng 07 năm 2009 đến tháng 06 năm 2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người trực tiếp tham gia lao động là bà Dương Thị N trong khi thông tin ký hợp đồng lao động là bà Phan Thị H; bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn bà Phan Thị H và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1); người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng, bà Dương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về thủ tục hòa giải tranh chấp lao động cá nhân trước khi khởi kiện: Bà Phan Thị H đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến Phòng văn hóa xã hội Ủy ban nhân dân phường H, Đà Nẵng để yêu cầu hòa giải và được hướng dẫn đối với việc người lao động mượn hồ sơ của người khác là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.4] Về luật áp dụng: Tranh chấp hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ tháng 7/2009 đến tháng 6/2010 nên áp dụng Bộ luật lao động 1994 được áp dụng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị H (do bà Dương Thị Ngọc M hồ sơ của bà H để giao kết hợp đồng lao động) và Công ty TNHH Đ từ tháng 07 năm 2009 đến tháng 06 năm 2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: việc bà N lấy giấy chứng minh nhân dân tên Phan Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 127 Bộ luật dân sự, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động quy định tại điều 15, điều 16 Bộ luật lao động, mặc dù bà H, bà N không cung cấp được hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ và bà Dương Thị N. Bị đơn Công ty TNHH Đ thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, tại Công văn số 1418/BHXH-QLT-PTNTG ngày 22/05/2026, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ xác định bà Phan Thị H có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010, số sổ BHXH 4809021622 đồng thời bà Phan Thị H có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần K1 từ tháng 02/2006 đến tháng 05/2010 với số sổ bảo hiểm xã hội là 0406005510. Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng

thời gian từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010 bà H cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH Đ và Công ty Cổ phần K1. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị H, bà Dương Thị N trình bày từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010 bà N làm việc tại Công ty TNHH Đ và bà N mượn chứng minh nhân dân của bà H để giao kết hợp đồng và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ. Do đó, có cơ sở xác định bà H không ký kết hợp đồng lao động và tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010. Như vậy, việc bà N ký hợp đồng và tham gia lao động tại Công ty TNHH Đ nhưng với tên bà Phan Thị H là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động nêu trên là không có hiệu lực. Bà Phan Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị H và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty T) từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010 là vô hiệu do không đúng người tham gia lao động ký kết hợp đồng lao động là có cơ sở cần chấp nhận.

[2.3] Bà Phan Thị H không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH Đ phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng bà Phan Thị H tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 127, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15, điều 16 khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc *"Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*"

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị H và Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1) từ tháng 07/2009 đến tháng 06/2010 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động (người trực tiếp tham gia lao động và ký kết hợp đồng bà Dương Thị N trong khi thông tin hợp đồng lao động là bà Phan Thị H).

2. Án phí lao động sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH M1) phải chịu nhưng bà Phan Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004724 ngày 08/05/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh